

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng kinh tế xây dựng 2 Ngành : Kinh tế xây dựng Năm học : 2010 - 2011 ĐVHT : 4
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Quy hoạch tuyến tính Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3372020002	Huỳnh Thị Xuân	An	08/02/1991	8	9					8.50	2.55	9.00	6.30	9	
2	3372020003	Nguyễn Thành	An	24/05/1991	8	9					8.50	2.55	6.00	4.20	7	
3	3372020005	Lê Hoàng	Anh	27/09/1991	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
4	3372020009	Trần Ngọc	Bảo	19/10/1990	4	8					6.00	1.80	7.00	4.90	7	
5	3372020016	Đặng Thị	Chi	24/02/1991	8	9					8.50	2.55	7.00	4.90	7	
6	3372020025	Trần Văn	Cường	10/07/1991	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
7	3372020028	Đặng Văn	Danh	05/11/1991	9	7					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
8	3372020030	Nguyễn Văn	Diện	30/07/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
9	3372020038	Trần Như	Dương	06/05/1991	3	3					3.00	0.90	3.00	2.10	3	
10	3372020039	Nguyễn Khắc	Đạo	20/12/1991	8	5					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
11	3372020041	Lê Phát	Đạt	04/03/1991	8	5					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
12	3372020042	Lê Tấn	Đạt	20/06/1991	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
13	3372020049	Đặng Thành	Đức	23/02/1991	8	6					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
14	3372020064	Nguyễn Văn	Hải	11/06/1991	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
15	3372020069	Phạm Thị	Hiền	01/10/1990	9	9					9.00	2.70	6.00	4.20	7	
16	3372020070	Võ Thị Thu	Hiền	01/09/1991	9	8					8.50	2.55	9.00	6.30	9	
17	3372020072	Trần Đình	Hiếu	14/07/1991	8	5					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
18	3372020077	Đỗ Phi	Hoàng	10/10/1991	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
19	3372020089	Trần Văn	Hướng	20/06/1990	7	7					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
20	3372020091	Bùi Văn	Khánh	1990	5	5					5.00	1.50	8.00	5.60	7	
21	3372020093	Ngô Đăng	Khoa	03/03/1991	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3372020099	Phạm Trung	Kỳ	23/03/1991	8	7					7.50	2.25	6.00	4.20	6	
23	3372020103	Ng Đg Thiện Hàn Bảo	Linh	18/02/1991	2	5					3.50	1.05	6.00	4.20	5	
24	3372020104	Trần Thị Mỹ	Linh	01/06/1991	7	9					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
25	3372020107	Lê Phi	Long	04/04/1991	8	7					7.50	2.25	7.00	4.90	7	
26	3372020112	Phạm Thị	Mến	01/11/1989	8	7					7.50	2.25	7.00	4.90	7	
27	3372020114	Nguyễn Ngọc	Minh	27/09/1990	6	4					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
28	3372020118	Bùi Thị	Nga	03/02/1991	7	7					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
29	3372020119	Trần Thanh	Nga	08/10/1991	9	9					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
30	3372020124	Lê Hoàng	Nguyên	17/01/1991	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
31	3372020126	Nguyễn Đạt	Nhân	30/09/1991	5	4					4.50	1.35	7.00	4.90	6	
32	3372020148	Nguyễn Ngọc	Phước	01/01/1991	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
33	3372020154	Lê Ngọc	Quy	27/12/1991	9	7					8.00	2.40	9.00	6.30	9	
34	3372020161	Lý	Sầu	04/02/1991	6	7					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
35	3372020170	Trần Tấn	Tài	06/10/1991	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
36	3372020171	Phạm Hoài	Thanh	24/11/1991	9	9					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
37	3372020173	Nguyễn Duy	Thật	07/11/1991	7	3					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
38	3372020177	Nguyễn Tấn	Thành	27/02/1991	8	6					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
39	3372020183	Dương Dạ	Thảo	28/07/1991	9	9					9.00	2.70	7.00	4.90	8	
40	3372020186	Nguyễn Xuân	Thống	08/08/1990	4	9					6.50	1.95	7.00	4.90	7	
41	3372020190	Võ Thị Thanh	Thúy	20/02/1991	9	7					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
42	3372020192	Lê Văn	Thịnh	15/01/1990	7	6					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
43	3372020198	Nguyễn Văn	Toại	02/08/1991	8	8					8.00	2.40	4.00	2.80	5	
44	3372020204	Đinh Viết	Tín	10/08/1991	8	9					8.50	2.55	7.00	4.90	7	
45	3372020206	Vạn Quan	Tín	07/09/1988	3	3					3.00	0.90	7.00	4.90	6	
46	3372020208	Nguyễn Cảnh	Tranh	17/03/1991	8	6					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
47	3372020212	Đặng Minh	Trí	12/05/1990	3	7					5.00	1.50	7.00	4.90	6	
48	3272020086	Nguyễn Khoa Bảo	Trung	01/08/1990	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Bảo lưu

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3372020218	Bùi Văn	Trường	04/05/1990	3	3					3.00	0.90	8.00	5.60	7	
50	3372020225	Nguyễn Hữu Hoàng	Tùng	20/12/1991	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
51	3372020229	Nguyễn Thanh	Tịnh	12/12/1990	8	6					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
52	3272020093	Lê Quang	Tư	12/02/1990	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
53	3372020231	Nguyễn Thị Hồng	Vân	11/10/1991	9	9					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
54	3372020237	Trần Quang	Vũ	08/06/1989	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	Học lại
55	3372020240	Trần Minh	Vương	17/10/1991	7	5					6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại

Tổng: 55.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	4	7.3
Giỏi	6	10.9
Khá	16	29.1

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	13	23.6
Trung bình	13	23.6
Không đạt	3	5.5
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/..../.....

Giáo Vụ Khoa